

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2022

V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Anh Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thế Công

2. Ông Hà Quốc Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa:
Ông Trương Thanh Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2022/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị L, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Bản C, xã Q, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

(Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Lê Văn H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 25/12/2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại xã V, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc, một năm sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do chị thường xuyên đi làm ăn xa dẫn đến việc anh Hiếu thiếu tin tưởng chị, ghen tuông bóng gió, chửi bới, đánh đập chị. Vợ chồng chị cũng đã tự hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn H.

Về con chung: Giữa chị và anh Lê Văn H có 01 con chung là Lê Phúc C, sinh ngày 19/01/2014. Từ năm 2015 khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Chuẩn vẫn ở với anh Hiếu, do anh Hiếu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, hiện cháu đang học lớp 3 trường tiểu học xã V. Ly hôn, chị có nguyện vọng được giao con cho anh Hiếu tiếp tục nuôi dưỡng để không ảnh hưởng đến việc học hành của cháu, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 07 tháng 10 năm 2022, bị đơn anh Lê Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lò Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 25 tháng 12 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại xã V, huyện Yên Bình đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do chị Liên bỏ nhà đi theo người khác, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Chị Lò Thị L xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Giữa anh và chị Lò Thị L có 01 con chung là Lê Phúc C, sinh ngày 19/01/2014. Từ khi chị Liên bỏ nhà đi thì cháu Chuẩn vẫn ở với anh, do anh trực tiếp chăm sóc và giáo dục, hiện nay cháu Chuẩn đang học lớp 3 tại trường tiểu học xã V. Ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Chuẩn, chị Liên đề nghị được cấp dưỡng nuôi cháu Chuẩn là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh nhất trí.

Hiện anh đang làm lao động tự do tại địa phương, đảm bảo các điều kiện về kinh tế, chỗ ở để nuôi dưỡng cháu Chuẩn.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo đơn nguyện vọng của cháu Lê Phúc C thì nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố vì từ bé tới giờ cháu luôn sống cùng bố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của

các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng : Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; **Điều 238**; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị L để xử cho chị Liên được ly hôn với anh Lê Văn H. Về nuôi con chung: Chấp nhận đề nghị về nuôi con chung của chị Liên, anh Hiếu. Giao con chung là Lê Phúc C, sinh ngày 19/01/2014 cho anh Hiếu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị L phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về án phí: Chị Lò Thị L phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Lê Văn H có hộ khẩu thường trú tại Thôn M, xã V, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Nguyên đơn là chị Lò Thị L và bị đơn anh Lê Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt chị Liên, anh Hiếu là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Lê Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 25 tháng 12 năm 2012. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, cả chị Liên và anh Hiếu đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Liên và anh Hiếu đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị L là có căn cứ, cần được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Lò Thị L được ly hôn anh Lê Văn H.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị L và anh Lê Văn H có 01 con chung là Lê Phúc C, sinh ngày 19/01/2014. Chị Liên có nguyện vọng giao con cho anh Hiếu tiếp tục nuôi dưỡng, anh Hiếu cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con.

Xét nguyện vọng của chị Liên, anh Hiếu về nuôi con chung thấy rằng: Anh Hiếu hiện đang làm lao động tự do tại địa phương, có thu nhập, chỗ ở ổn định để

nuôi con. Cháu Lê Phúc C cũng có nguyện vọng được ở với bố. Từ khi chị Liên, anh Hiếu sống ly thân với nhau thì cháu Chuẩn vẫn ở với anh Hiếu, do anh Hiếu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện cháu đã học tập ổn định tại xã V, huyện Yên Bình. Nên để đảm bảo về mọi mặt sinh hoạt và học tập của con cần giao con cho anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Liên đề nghị được cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh Hiếu cũng nhất trí với mức cấp dưỡng nuôi con này của chị Liên. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung là phù hợp, có căn cứ theo quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị L và anh Lê Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, **điểm a khoản 6** Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L được ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Phúc C, sinh ngày 19/01/2014 cho anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị Lò Thị L phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Lò Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2021/0002877 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình. (Chị Lò Thị L còn phải nộp số tiền 300.000 đồng).

Chị Lò Thị L và anh Lê Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- Chi cục THADS huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Anh Đào